

**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC-TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV**

Số: 1187 /NĐCP-KHĐT-VT

V/v quan tâm báo giá vật tư Sửa chữa lớn
máy đánh dỡ đồng liên hợp DQL600/600”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập-Tự do-Hạnh phúc

Cẩm Phả, ngày 28 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: Quý công ty

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV xin gửi lời chào trân trọng và hợp tác tới Quý đơn vị.

Chúng tôi hiện nay có nhu cầu Sửa chữa lớn máy đánh dỡ đồng liên hợp DQL600/600- Nhà máy Nhiệt điện Cẩm Phả nhằm mục tiêu duy trì sản xuất, đảm bảo nhà máy vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả.

Qua công văn này, chúng tôi kính đề nghị Quý đơn vị quan tâm, cung cấp báo giá vật tư phục vụ công việc Sửa chữa lớn máy đánh dỡ đồng liên hợp DQL600/600 (Máy đánh dỡ đồng liên hợp DQL600/600 Công ty TNHH Tập đoàn Công nghiệp và Công nghiệp nặng Đại Liên, Công ty TNHH DH DCW CROT) với các thông số và yêu cầu kỹ thuật như phụ lục đính kèm.

- Địa chỉ nhận báo giá: Phòng Kế hoạch – Đầu tư – Vật tư tại Văn phòng Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV, tổ 4, khu 4A, phường Cẩm Thịnh, TP.Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Trong trường hợp cần làm rõ thông tin, xin liên hệ Mrs Hà (0901.519.789).

- Thời gian nhận báo giá: Trước ngày 15 tháng 6 năm 2024

Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả -TKV rất mong được sự hợp tác của Quý đơn vị.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KH-ĐT-VT, ĐTTH.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Dương Hồng Hải

PHỤ LỤC BÁO GIÁ

Sửa chữa lớn máy đánh đỡ đồng liên hợp DQL600/600 (Đính kèm công văn số
1187 /NĐCP-KHĐTVT ngày 28/5/2024)

I. Tên hàng hóa, số lượng, quy cách:

STT	Hàng hóa/vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng
1	Áp kế-Pressure gauge YN-100 (0~25MPa)	Cái	6
2	Attomat 2 pha Merin Grin Multi9 C65N C10	Cái	5
3	Attomat 2 pha Merin Grin Multi9 C65N C16	Cái	4
4	Attomat 2 pha Merin Grin Multi9 C65N C40	Cái	2
5	Attomat 3 pha di chuyển (3 pha) tích hợp rơ le nhiệt GV2ME20/13-18A	Cái	1
6	Attomat 3 pha Merin Grin Multi9 C65N C32	Cái	3
7	Attomat 3 pha Merin Grin Multi9 C65N C65	Cái	1
8	Attomat 3 pha tích hợp rơ le nhiệt GV2ME20/13-18A	Cái	7
9	Attomat 3 pha tích hợp rơ le nhiệt GV2ME20/13-23A	Cái	4
10	Attomat băng tải cần NSC100B-40A	Cái	1
11	Attomat chống giật Merin Grin Multi9 C65N C40	Cái	1
12	Attomat gầu mức NSC100B-100A	Cái	1
13	Attomat góc quay 110° NSC100B-50A	Cái	1
14	Attomat Merin Grin Multi9 C65N C1 (1 pha)	Cái	2
15	Attomat Merin Grin Multi9 C65N C10 (2 pha)	Cái	9
16	Attomat Merin Grin Multi9 C65N C16 (2 pha)	Cái	1
17	Attomat Merlin C65N,C1 (1 pha)	Cái	1
18	Attomat Merlin C65N,C10 (2 pha)	Cái	1
19	Attomat nâng hạ cần rót NSC100B-40A	Cái	1
20	Attomat nâng hạ giàn đuôi NSC100B-40A	Cái	1
21	Attomat tích hợp rơ le nhiệt Telemecanique GV2ME08/25-4A	Cái	3
22	Attomat tích hợp rơ le nhiệt Telemecanique GV2ME22/20-25A	Cái	2
23	Băng tải EP150 1000x4 (4,5+1,5) dày 12mm; L=60m 5 lớp bố vải; cường độ chịu lực 750KN/m; độ dày cao su mặt chịu tải 4,5mm; mặt không tải 1,5mm	m	60
24	Bộ gioăng phốt xylanh thủy lực 140/200 + Cupben IDI 140x160x13 (2 cái) + Chấn bụi 140x152x14 (2 cái) + Dẫn hướng 25x2.5x200 (2 cái) + Phốt quả 200x8 (02 bộ)	bộ	1

N: 01042
CÔNG
NHỊỆT ĐIỆN C
- TRV - CHI
HỢC CÔNG T
TRV - C
PHA - T

STT	Hàng hóa/vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng
25	Bộ gioăng phốt xylanh thủy lực 140/200 + Cupben IDI 140x160x13 + Chấn bụi 140x155x8/11 + Kẹp đơn gioăng tròn 200x188x8 + Gioăng chỉ 80x3	bộ	3
26	Bộ nguồn 24V Simen sitop 20A	Cái	2
27	Bơm bánh răng - Gear pump GHP2A-D-40-CO-FG	Cái	2
28	Bơm dầu - Oil pump GHP1AQ-D-4-FG	Cái	2
29	Cáp điện loại dẹt (3x150+1*70) mm2 (lắp vào tầng cuộn cáp)	m	85
30	Cáp tín hiệu (19x1.5+2x0.4+2x4)mm2 (lắp vào tầng cuộn cáp)	m	85
31	Cần gạt 2 vị trí, 2 cấp QT101-2/K472	Cái	1
32	Cần gạt 4 vị trí, 4 cấp QT101-1/K471	Cái	1
33	Cầu chì 32A	Cái	1
34	Cầu dao chuyển dòng CHINT LW50-16	Cái	1
35	Cầu dao chuyển điện áp CHINT LW50-16	Cái	1
36	Con lăn cao su giảm chấn Ø133x380	Con	36
37	Con lăn côn chống lệch băng Ø133/240, L=240	Con	20
38	Con lăn côn chống lệch băng Ø133/240, L=625	Con	8
39	Con lăn làm sạch băng đường hồi Ø133x1150	Con	8
40	Con lăn Ø133x380	Con	100
41	Contactơ kèm 2 cặp tiếp điểm NC, NO Telemecanique LC1 D115	Cái	3
42	Contactơ kèm 2 cặp tiếp điểm góc quay 110° Telemecanique LC1D40,60A	Cái	1
43	Contactơ nâng hạ cần rót kèm 2 cặp tiếp điểm NO, NC Telemecanique LC1 D50	Cái	1
44	Contactơ nâng hạ giàn đuôi kèm 2 cặp tiếp điểm góc quay 110o Telemecanique LC1D40,60A	Cái	1
45	Contactơ Telemecanique LC1D18,32A	Cái	5
46	Contactơ Telemecanique LC1D25	Cái	2
47	Contactơ Telemecanique LC1D25,40A	Cái	2
48	Contactơ Telemecanique LC1D32,40A 4 pha	Cái	1
49	Contactơ Telemecanique LC1D32,50A 3 pha	Cái	6
50	Contactơ Telemecanique LC1D95,125A	Cái	1
51	Contactơ, rơ le nhiệt		0
52	Công tắc giới hạn khóa giàn đuôi HY-M904 (6A-250VAC)	Cái	4
53	Công tắc hành trình di chuyển tiến LX33-22	Cái	4

STT	Hàng hóa/vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng
54	Dầu ANGLA 460	Lít	320
55	Dầu Castrol Perfecto X32	Lít	12
56	Dầu thủy lực AWH46	Lít	1600
57	Giá cầu chì và cầu chì MRORT 18-32, 10X38; 500V, 32A	Cái	6
58	Giá và cầu chì MRORT 18-32, 10X38; 500V, 32A	Cái	1
59	Keo dán nguội NILOS TOPGUM TL-T60 (700g/hộp+ chai kết đông)	Hộp	23,2
60	Keo sơn lót NILOS SH	Kg	8,52
61	Khởi động từ GV2ME08/2,5-4A	Cái	3
62	Khởi động từ GV2ME10/4-6,3A	Cái	1
63	Khớp nối cứng YA48x110/YA42x110	Cái	1
64	Lạt buộc bằng nhựa 200mm	cái	41
65	Lọc không khí (Air strainer) QUQ3-20x1	Cái	2
66	Module 16 đầu vào số INPUT DC-SINK	Cái	15
67	Module 16 đầu ra số OUTPUT DC-SOURCE	Cái	5
68	Module 8 đầu ra tương tự OUIPUT Power Analog	Cái	1
69	Module 8 đầu vào tương tự Status INPUT Analog	Cái	1
70	Module CPU SLC 5/04 CPU	Cái	1
71	Module nguồn Allen-Brandley SLC600	Cái	2
72	Nước rửa làm sạch NILOS type B (0,5l/hộp)	Hộp	10,6
73	Ổ cắm 2 pha 16A, 250V	Cái	1
74	Ổ cắm 3 pha 25A, 440V	Cái	1
75	Ống cao su - Rubber hose 13II -1500 JB1885-77	Cái	12
76	Phanh YWZ5-200/30	Cái	1
77	Phin lọc dầu - Oil filter QU1-E160x20P	Cái	2
78	Phin lọc dầu - Oil filter QU1-E25x20P	Cái	2
79	Phốt 75x95x10	Cái	2
80	Phốt 80x110x12	Cái	2
81	Phốt 90x120x12	Cái	2
82	Quạt làm mát SuMon DP200A	Cái	6
83	Que hàn ESAB 4301 Φ3,2	kg	8
84	Rơ le điều khiển 24VDC, và chân đế loại 4 chân	Cái	13
85	Rơ le thời gian LRD33, 30-40A	Cái	1
86	Rơ le thời gian LRD33, 80-104A	Cái	2
87	Role điều khiển 230V (50/60Hz) 220v và đế 4 chân	Cái	5
88	Role điều khiển 24VDC 24v DC và đế 4 chân	Cái	29
89	Role điều khiển 24VDC, và chân đế loại 4	Cái	16

STT	Hàng hóa/vật tư	Đơn vị tính	Khối lượng
	chân		
90	Role nhiệt LRD16, 9-13A	Cái	1
91	Role nhiệt LRD21, 12-18A	Cái	1
92	Role nhiệt TelemecaniqueLRD 08; 2,5-4A	Cái	3
93	Tấm cao su bọc rulo dày 12mm dạng dải mặt có gân quả trám	m2	13,94
94	Tiếp điểm phụ LADN22	Cái	3
95	Thép Mn65	m2	4
96	Thép Ø27 dày 2.5mm	kg	129
97	Thép Ø34 dày 2.5mm	kg	191
98	Thép U100x46x4.5mm	kg	429,5
99	Thép V50x50x5	kg	263,9
100	Thép V63x63x5	kg	47,5
101	Vòng bi 30220 SKF	Vòng	1
102	Vòng bi 30309 SKF	Vòng	2
103	Vòng bi 30310 SKF	Vòng	1
104	Vòng bi 30314 SKF	Vòng	1
105	Vòng bi 30315 SKF	Vòng	1
106	Vòng bi 32309 J2/Q SKF	Vòng	2
107	Vòng bi 32309BJ2/QCL7C SKF	Vòng	2
108	Vòng bi 32311 J2 SKF	Vòng	2
109	Vòng bi 32313 SKF	Vòng	4
110	Vòng bi 6021 SKF	Vòng	2
111	Vòng bi 6205 SKF	Vòng	6
112	Vòng bi 6216 SKF	Vòng	1
113	Vòng bi 6311 (đầu và đuôi trục roto) SKF	Vòng	2
114	Vòng bi 6311 SKF	Vòng	8
115	Vòng bi 6312 SKF	Vòng	2
116	Vòng bi 6313 SKF	Vòng	2
117	Vòng bi động cơ bơm dầu chính 6309 SKF	Vòng	2
118	Vòng bi động cơ bơm dầu phụ 6205 SKF	Vòng	2
119	Vòng bi ga lê 22320RHRW33C3 SKF	Vòng	32
120	Vòng bi NCF 2926 SKF	Vòng	2
121	Vòng bi NJ 224 SKF	Vòng	8
122	Vòng đệm cao su YOXIIZ450	Cái	1

II. Một số nội dung liên quan của báo giá:

- Đề nghị Quý Công ty cung cấp báo giá ghi rõ số lượng, quy cách, mã hiệu, hãng, nước sản xuất, giá trị tiền hàng, đồng tiền chào giá là tiền Việt Nam Đồng, các loại thuế, phí, chi phí vận chuyển, điều kiện thanh toán, thời gian bảo hành, thời gian giao hàng, địa điểm giao hàng.

- Thời hạn sử dụng hàng hóa dự kiến năm 2025.